

Số: 177/2024/CV-IRS

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

- Kính gửi:**
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
 - Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA (IRS)

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12, tòa nhà CDC số 25 phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3 944 6666

Fax: (024) 3944 6969

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Trần Thị Thu Hương – Thành viên TT HĐQT.

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà CDC số 25 phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3 944 6666

Fax: (024) 3944 6969

Loại thông tin công bố:

24 giờ 72 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung thông tin cần công bố:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia công bố về **Nghị quyết và Biên bản của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 cùng các tài liệu kèm theo.**

Nội dung của Biên bản và Nghị quyết về các vấn đề:

1. Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2023 và Kế hoạch SXKD năm 2024;
2. Thông qua Báo cáo của HĐQT năm 2023 về quản trị và KQHĐ của HĐQT và từng TVHĐQT, kế hoạch năm 2024;
3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023 về KQKD của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, TGD và kế hoạch năm 2024. Báo cáo tự đánh giá KQHĐ của BKS và từng KSV;
4. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023;
5. Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận, không chia cổ tức năm 2023;
6. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024;
7. Thông qua việc không trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023; Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS, công ty năm 2024.
8. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 22 tháng 04 năm 2024 tại đường dẫn: [www.irs.com.vn/Tin_tuc/ IRS công bố thông tin](http://www.irs.com.vn/Tin_tuc/IRS_cong_bu_thong_tin).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024
- Biên bản ĐHĐCĐ thường niên 2024
- Các tài liệu kèm theo



TRẦN THỊ THU HƯƠNG

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2024

Số: 02/2024/NQ/ĐHCD

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt năm ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia.
- Căn cứ Biên bản họp ĐHDCĐ thường niên năm 2024 số 02/2024/BB-ĐHDCĐ ngày 22/04/2024.

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1. Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động của HĐQT về công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch hoạt động 2024.**
- Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:**
- Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2023.**
- Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024**
- Điều 5. Thông qua việc lựa chọn Công ty Kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC năm 2024.**

ĐHCD thông qua việc Lựa chọn tổ chức kiểm toán BCTC năm 2024, cụ thể như sau:

- Tiêu chí: Công ty Kiểm toán được lựa chọn là công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, nằm trong danh sách các Doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán cho năm 2024 của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán nhà nước, có uy tín về chất lượng kiểm toán, có mức phí kiểm toán phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT chủ động lựa chọn Công ty kiểm toán đảm bảo theo tiêu chí trên để thực hiện kiểm toán BCTC năm 2024 cho Công ty cổ phần



Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia và triển khai việc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được lựa chọn theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 6. Thông qua Kết quả kinh doanh năm 2023, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, phương án chi trả cổ tức năm 2023 và Kế hoạch năm 2024

Đại hội cổ đông thường niên thông qua Kết quả kinh doanh năm 2023, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, phương án chi trả cổ tức và Kế hoạch năm 2024 với nội dung như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023	Kế hoạch 2024
1	Tổng giá trị tài sản	315.215.735.123	346.737.308.635
2	Vốn điều lệ	300.000.000.000	300.000.000.000
3	Tổng doanh thu	19.927.837.200	21.920.620.920
4	Doanh thu thuần	19.927.837.200	21.920.620.920
5	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	840.433.454	924.476.799
6	Lợi nhuận trước thuế	840.433.454	924.476.799
7	Lợi nhuận sau thuế	664.346.763	739.581.440
7.1	Chi trả cổ tức	Không	Không
7.2	Lợi nhuận để lại	664.346.763	739.581.440

Căn cứ vào Thông tư số 114/2021/TT-BTC, Công ty KHÔNG thực hiện trích Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ, Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ.

Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận, không chia cổ tức năm 2023.

Điều 7. Thông qua Phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023, Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 thông qua việc Chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024 như sau:

Căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động của Công ty, Công ty cổ phần chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia KHÔNG thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS.

Điều 8. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 xem xét và thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 22/04/2024.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, căn cứ tình hình thực tế, đề ra các mục tiêu biện pháp để tổ chức thực hiện các nội dung được Đại hội nhất trí thông qua trên cơ sở đảm bảo lợi ích cao nhất cho Công ty, các cổ đông và phù hợp với Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- UBCKNN (báo cáo);
- TV HDQT, Ban GD, BKS;
- Website công ty, CBTT;
- Lưu HC.

TM. ĐOÀN CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



TRẦN THỊ THU HƯƠNG



Số: 02/2024/BB/ĐHĐCĐ

BIÊN BẢN

HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Tên Công ty: Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa CDC, 25 Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 3944 6666 fax: 024.39446969

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 22 tháng 04 năm 2024, tại Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia, Tầng 12, Tòa CDC, 25 Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia đã tiến hành tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2024, cụ thể như sau.

I. PHẦN THỨ NHẤT - KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Thành phần tham dự Đại hội

1. Ông Lê Thanh - Chủ tịch Hội đồng quản trị;
2. Các thành viên HĐQT;
3. Thành viên Ban Kiểm soát;
4. Cổ đông Công ty;
5. Đại biểu tham dự.

2. Tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội

Ông Đoàn Danh Hưng, Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông đủ điều kiện tham dự Đại hội cổ đông như sau:

Tổng số cổ đông có quyền dự họp của công ty: 08 cổ đông sở hữu 29.682.500 cổ phần, tương đương 100% số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.

Cổ đông sở hữu và đại diện ủy quyền tham dự Đại hội: 03 người.

Số cổ phần đại diện: 28.960.500 cổ phần

Tỷ lệ: 97,56% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội đã hoàn thành thủ tục tham dự Đại hội theo quy định của quy chế Đại hội. Cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tại Đại hội đều đủ điều kiện tham dự Đại hội.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia hiện hành, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty đã có đủ điều kiện tiến hành một cách hợp pháp, hợp lệ.

3. Thông qua danh sách Đoàn chủ tọa, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu

Ông Đoàn Danh Hưng đọc danh sách đề cử Đoàn chủ tọa.

Các Cổ đông nhất trí 100% thông qua danh sách Đoàn chủ tọa đại hội đề cử như sau:

1. Bà Trần Thị Thu Hương - Thành viên TT HĐQT- Chủ tọa
2. Ông Lê Thanh - Chủ tịch HĐQT

Ông Đoàn Danh Hưng đọc danh sách đề cử Ban thư ký và Ban Kiểm phiếu.

Các Cổ đông nhất trí 100% thông qua danh sách Ban thư ký và Ban Kiểm phiếu đề cử như sau:

Ban Thư ký Đại hội:

1. Bà Nguyễn Thị Khanh Trưởng ban thư ký

Ban Kiểm phiếu:

1. Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân Trưởng ban Kiểm phiếu
2. Bà Nguyễn Hương Giang Thành viên

Hình thức biểu quyết: bằng giơ thẻ biểu quyết tại Đại hội

⇒ Kết quả biểu quyết: 100 % cổ đông tham dự Đại hội nhất trí thông qua.

4. Thông qua Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc của Đại hội

Bà Trần Thị Thu Hương thông qua Đại hội Chương trình đại hội và Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia do Ban tổ chức soạn thảo.

Tại Đại hội đồng cổ đông, Bà Trần Thị Thu Hương xin ý kiến Đại hội thông qua nội dung Chương trình Đại hội:

Hình thức biểu quyết: bằng giơ thẻ biểu quyết tại Đại hội

⇒ Kết quả biểu quyết: 100 % cổ đông tham dự Đại hội nhất trí thông qua.

II. PHẦN THỨ HAI - CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC TRÌNH BÀY TẠI ĐẠI HỘI

1. Đại hội đồng cổ đông nghe các nội dung sau:

✓ **Bà Trần Thị Thu Hương- Thành viên TT HĐQT**, trình bày và thông qua Đại hội:

- Báo cáo tổng kết hoạt động của HĐQT về công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh năm 2024;
- Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán;
- Tờ trình xin ý kiến các vấn đề tại ĐHCD thường niên Công ty.

✓ **Bà Trần Thị Thu Hương – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty**, trình bày:

- Báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;

✓ **Ông Đoàn Danh Hưng – Trưởng Ban kiểm soát**, trình bày:

- Báo cáo hoạt động của BKS năm 2023.

2. Đại hội tiến hành biểu quyết đối với những vấn đề sau:

Bà Trần Thị Thu Hương, Thành viên TT HĐQT, chủ tọa Đại hội lần lượt nêu các vấn đề xin ý kiến biểu quyết của Đại hội. Các nội dung được Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ cụ thể như sau:

1.1. Báo cáo tổng kết hoạt động của HĐQT về công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024.

DHĐCĐ biểu quyết thông qua với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tham dự đại hội
Đồng ý	28.960.500	100%
Không đồng ý	0	0
Không có ý kiến	0	0

1.2. Thông qua Báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

DHĐCĐ biểu quyết thông qua với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tham dự đại hội
Đồng ý	28.960.500	100%
Không đồng ý	0	0
Không có ý kiến	0	0

1.3. Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2023.

Công tác quản trị điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT; Công tác tài chính tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về chuẩn mực kế toán hiện hành; Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023.

DHĐCĐ biểu quyết thông qua với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tham dự đại hội
Đồng ý	28.960.500	100%
Không đồng ý	0	0
Không có ý kiến	0	0

1.4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty gồm:

- (1) Báo cáo của Ban Giám đốc;
- (2) Báo cáo kiểm toán;

- (3) Bảng cân đối kế toán;
- (4) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh;
- (5) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ;
- (6) Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

DHĐCĐ biểu quyết thông qua với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tham dự đại hội
Đồng ý	28.960.500	100%
Không đồng ý	0	0
Không có ý kiến	0	0

1.5. Thông qua Tờ trình lựa chọn Công ty Kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC năm 2024.

DHĐCĐ thường niên 2024 thông qua việc Lựa chọn tổ chức kiểm toán BCTC năm 2024, cụ thể như sau:

- Tiêu chí: Công ty Kiểm toán được lựa chọn là công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, nằm trong danh sách các Doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán cho năm 2024 của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, có uy tín về chất lượng kiểm toán, có mức phí kiểm toán phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT chủ động lựa chọn Công ty kiểm toán đảm bảo theo tiêu chí trên để thực hiện kiểm toán BCTC năm 2024 cho Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia và triển khai việc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được lựa chọn theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

DHĐCĐ biểu quyết thông qua với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tham dự đại hội
Đồng ý	28.960.500	100%
Không đồng ý	0	0
Không có ý kiến	0	0

1.6. Tờ trình thông qua Kết quả kinh doanh năm 2023, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, phương án chi trả cổ tức năm 2023 và Kế hoạch năm 2024.

Đại hội cổ đông thường niên thông qua Kết quả kinh doanh năm 2023, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, phương án chi trả cổ tức và Kế hoạch năm 2024 với nội dung như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023	Kế hoạch 2024
1	Tổng giá trị tài sản	315.215.735.123	346.737.308.635
2	Vốn điều lệ	300.000.000.000	300.000.000.000
3	Tổng doanh thu	19.927.837.200	21.920.620.920
4	Doanh thu thuần	19.927.837.200	21.920.620.920
5	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	840.433.454	924.476.799
6	Lợi nhuận trước thuế	840.433.454	924.476.799
7	Lợi nhuận sau thuế	664.346.763	739.581.440
7.1	Chi trả cổ tức	Không	Không
7.2	Lợi nhuận để lại	664.346.763	739.581.440

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 thông qua Phương án không phân phối lợi nhuận, không chia cổ tức năm 2023.

Căn cứ vào Thông tư số 114/2021/TT-BTC, Công ty KHÔNG thực hiện trích Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ, Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ.

DHĐCĐ biểu quyết thông qua với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tham dự đại hội
Đồng ý	28.960.500	100%
Không đồng ý	0	0
Không có ý kiến	0	0

1.7. Thông qua Phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023, Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 thông qua việc Chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024 như sau:

Căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động của Công ty, Công ty cổ phần chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia KHÔNG thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS.

DHĐCĐ biểu quyết thông qua với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tham dự đại hội
Đồng ý	28.960.500	100%
Không đồng ý	0	0
Không có ý kiến	0	0

1.8. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 xem xét và thông qua các nội dung sửa đổi,

bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Nội dung cụ thể theo Tờ trình số 022024/TTr-ĐHĐCĐ.

ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tham dự đại hội
Đồng ý	28.960.500	100%
Không đồng ý	0	0
Không có ý kiến	0	0

III. PHẦN THỨ BA – THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI

Ý kiến của cổ đông: Các cổ đông đã có ý kiến thảo luận và trao đổi nội dung của Đại hội. Các thành viên HĐQT, Ban Điều hành công ty đã tiếp thu ý kiến và trả lời đầy đủ cho cổ đông.

IV. PHẦN THỨ TƯ - THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Bà Nguyễn Thị Khanh, Trưởng Ban thư ký đọc Biên bản Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

Đại hội kết thúc vào 11 giờ 00 phút cùng ngày.

Biên bản này được lập thành 03 (ba) bản và được Ban Thư ký đọc lại trước Đại hội.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

NGUYỄN THỊ KHANH



TRẦN THỊ THU HƯƠNG

Nơi nhận:

- UBCKNN, HNX (để báo cáo);
- Các TV HĐQT, BGĐ, BKS;
- Website công ty;
- Lưu HCNS.

Số: 012024/TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia;
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia.

Kính gửi Quý vị Cổ đông!

Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia xin gửi lời chào trân trọng tới các Quý vị Cổ đông.

HDQT kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét và thông qua các vấn đề sau tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty:

I. THÔNG QUA BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 CỦA HDQT

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo về tình hình hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 của HDQT.

II. THÔNG QUA BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024 CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2024 của Ban Tổng Giám đốc. Trong đó, Ban Tổng Giám đốc đã đặt ra kế hoạch kinh doanh năm 2024 như sau:

- Tổng doanh thu: 21.920.620.920 đồng.
- Tổng lợi nhuận sau thuế: 739.581.440 đồng.

III. THÔNG QUA BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT NĂM 2023 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo về hoạt động giám sát năm 2023 của BKS.

IV. THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2023 CỦA CÔNG TY ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN.

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế



Hoàng Gia đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định, bao gồm:

- (1) Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc;
- (2) Báo cáo kiểm toán độc lập;
- (3) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023;
- (4) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023;
- (5) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- (6) Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của Công ty được đăng tải trên website: <https://www.irs.com.vn/>.

HDQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua các Báo cáo tài chính nêu trên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

V. THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024

HDQT Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2024 thông qua việc Lựa chọn tổ chức kiểm toán BCTC năm 2024, cụ thể như sau:

- Tiêu chí: Công ty Kiểm toán được lựa chọn là công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, nằm trong danh sách các Doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán cho năm 2024 của Bộ tài chính, có uy tín về chất lượng kiểm toán, có mức phí kiểm toán phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HDQT chủ động lựa chọn Công ty kiểm toán đảm bảo theo tiêu chí trên để thực hiện kiểm toán BCTC năm 2024 cho Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia và triển khai việc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được lựa chọn theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

VI. THÔNG QUA KẾT QUẢ KINH DOANH 2023, PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2023, TRÍCH LẬP CÁC QUỸ, CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024.

Tính đến thời điểm 31/12/2023, căn cứ vào các Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam, HDQT Công ty trình ĐHĐCĐ thông qua Kết quả kinh doanh năm 2023, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, phương án chi trả cổ tức năm 2023 và Kế hoạch năm 2024:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023	Kế hoạch 2024
1	Tổng giá trị tài sản	315.215.735.123	346.737.308.635
2	Vốn điều lệ	300.000.000.000	300.000.000.000
3	Tổng doanh thu	19.927.837.200	21.920.620.920
4	Doanh thu thuần	19.927.837.200	21.920.620.920
5	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	840.433.454	924.476.799
6	Lợi nhuận trước thuế	840.433.454	924.476.799
7	Lợi nhuận sau thuế	664.346.763	739.581.440

7.1	Chi trả cổ tức	Không	Không
7.2	Lợi nhuận để lại	664.346.763	739.581.440

Căn cứ vào Thông tư số 114/2021/TT-BTC, Công ty KHÔNG thực hiện trích Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ, Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ.

Đề xuất phương án không phân phối lợi nhuận, không chia cổ tức năm 2023.

VII. THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN CHI TRẢ THÙ LAO HĐQT, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH CHI TRẢ THÙ LAO HĐQT, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 thông qua việc Chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024 như sau:

Căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động của Công ty, Công ty cổ phần chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia KHÔNG thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và năm 2024.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- . Các cổ đông;
- . Website cty;
- . TV Hội đồng quản trị;
- . TV Ban Kiểm soát;
- . UBCKNN (b/ cáo);
- . Lưu HCNS.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
T. CHỦ TỊCH
THÀNH VIÊN HĐQT**



TRẦN THỊ THU HƯƠNG



TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông
Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia;

Ngày 31/12/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 155/2020/NĐ-CP về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, trong đó có dự thảo Mẫu Điều lệ hoạt động Công ty đại chúng.

Để hoạt động của Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định văn bản pháp luật hiện hành và đảm bảo quyền, lợi ích của các cổ đông, cũng như đáp ứng các yêu cầu về công tác quản lý của Công ty, Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

(Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung đính kèm).

Ủy quyền và giao cho Chủ tịch HĐQT Công ty chỉ đạo tổ chức triển khai việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty đảm bảo theo đúng các quy định của Pháp luật Nhà nước hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- TV HĐQT, BKS, BTGD.
- Lưu HC.

TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Thị Thu Hương

**BẢNG THUYẾT MINH SO SÁNH ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

STT	Điều lệ hiện tại		Điều lệ sửa đổi, bổ sung		Lý do sửa đổi, bổ sung
	Điều	Nội dung	Điều	Nội dung	
1.	PHẦN MỞ ĐẦU	PHẦN MỞ ĐẦU Chưa quy định	PHẦN MỞ ĐẦU	PHẦN MỞ ĐẦU Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (“Công ty”) được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ngày ... tháng ... năm	Sửa phù hợp với đa phần Điều lệ hiện tại và cập nhật ngày thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
2.	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CĂN CỨ PHÁP LÝ - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/ - Luật Chứng khoán số 70/2006/.... - Quyết định của Đại hội đồng cổ đông ...	CĂN CỨ PHÁP LÝ	Cập nhật lại văn bản mới theo quy định.	
3.		I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG		I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	Đổi tên phù hợp với Điều lệ theo Mẫu Điều lệ ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
4.	Khoản 1 Điều 1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a) “Công ty” là Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia b) “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá số cổ phần đã phát hành mà các cổ đông	Khoản 1 Điều 1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a) “Công ty” là Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia b) “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá số cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi vào Điều lệ công	Cập nhật văn bản; Sửa đổi, bổ sung một số thuật ngữ phù hợp quy định theo Mẫu Điều lệ ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

	<p>đã thanh toán đủ và được ghi vào Điều lệ công ty;</p> <p>c) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;</p> <p>d) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>e) “Người quản lý công ty” bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc; Giám đốc chi nhánh và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này;</p> <p>f) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp;</p> <p>g) “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>h) “UBCK” là Ủy ban Chứng khoán Nhà</p>	<p>ty;</p> <p>c) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 59/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019</p> <p>d) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020</p> <p>e) “Người điều hành” có nghĩa là Tổng giám đốc và các thành viên khác thuộc Ban điều hành Công ty</p> <p>f) “Người quản lý công ty” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.</p> <p>g) “Người nội bộ” là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin;</p>	
--	--	---	--

		nước.		<p>h) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.</p> <p>j) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành.</p> <p>k) “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;</p> <p>l) “Sở Giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.</p> <p>m) “UBCK” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p>	
5.	Mục II.	<p>Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời gian hoạt động của Công ty.</p> <p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật</p>	Mục II.	<p>Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>Điều 3: Người đại diện theo pháp luật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung nội dung tại khoản 3, Điều 3: “Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thường trú ở Việt Nam” - Bổ sung tại khoản 4: “Người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ 	Cập nhật mới theo luật doanh nghiệp 2020, thông tin của Công ty

				phần, công ty hợp danh cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi chủ sở hữu công ty, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.”	
6.	Điều 5	Điều 5. Mục tiêu hoạt động 1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đầu tư tài chính, chứng khoán với mục tiêu thu lợi nhuận; tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; mang lại cổ tức cao cho các cổ đông; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật Việt Nam và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh. Công ty phấn đấu để trở thành một trong số các công ty chứng khoán hàng đầu của thị trường tài chính Việt Nam	Điều 4	Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đầu tư tài chính, chứng khoán với mục tiêu thu lợi nhuận; tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; mang lại cổ tức cao cho các cổ đông; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật Việt Nam và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.	
7.	Điều 6	Điều 6: Nguyên tắc hoạt động.	Điều 5	Bổ sung nội dung quy định về Nguyên tắc hoạt động của Công ty phù hợp theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư 121/2020/TT-BTC Chuyển thành mục 3 Điều 5 của Điều lệ.	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 3, Điều 4 TT 121/2020/TT-BTC hướng dẫn hoạt động của công ty chứng khoán.
8.		Điều 7: Quyền của công ty Điều 8: Nghĩa vụ của công ty		Bỏ nội dung quy định quyền và Nghĩa vụ của Công ty tại Điều 7, Điều 8.	Cập nhật nội dung theo Mẫu Điều lệ ban hành

				Công ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật có liên quan. Công ty có tất cả các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, nếu không mâu thuẫn với quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật có liên quan.	theo Thông tư 116/2020/TT-BTC; Thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2, 3 Điều 5 thông tư 121/2020/TT-BTC hướng dẫn về Điều lệ CTCK.
9.	Điều 9	Các quy định về cấm và hạn chế		Bổ nội dung này - Không quy định chi tiết vào Điều lệ Công ty; - Công ty hoạt động theo quy định của Luật DN, Luật Chứng khoán và các VB hướng dẫn có liên quan do vậy, bao gồm và không giới hạn đối với các hành vi, quy định bị cấm đối với hoạt động của CTCK tại các VB pháp lý liên quan; - Sửa, cập nhật nội dung theo mẫu Điều lệ.	
10.	Điều 10	Vốn điều lệ Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng).	Điều 6	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 1. Vốn điều lệ của Công ty là: 300.000.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 30.000.000 cổ phần (bằng chữ: Ba mươi triệu cổ phần) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. 2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi	Sửa đổi, bổ sung nội dung phù hợp theo quy định tại Điều lệ mẫu

			<p>được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.</p> <p>4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</p> <p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp</p>	
--	--	--	---	--

				luật hiện hành. 7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.	
11.	Điều 11	Điều 11. Các loại cổ phần		Bổ nội dung này. - Sửa nội dung theo quy định tại Điều lệ mẫu; - Cập nhật nội dung phù hợp theo quy định mới và chuyển thành nội dung tại Điều 6 của Điều lệ	
12.	Điều 12	Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông		Bổ nội dung này	Nội dung quy định tại Điều 122 Luật Doanh nghiệp, Công ty thực hiện theo quy định tại Luật DN.
13.		Chưa quy định	Điều 7 Điều 8	Bổ sung nội dung: Điều 7: Chứng nhận cổ phiếu Điều 8: Chứng chỉ chứng khoán khác	Theo nội dung tại mẫu Điều lệ theo thông tư 116/2020/TT-BTC
14.	Điều 13	Điều 13. Cổ phiếu		Bổ nội dung này	Theo nội dung tại mẫu Điều lệ theo thông tư 116/2020/TT-BTC
15.	Điều 14	Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần a) Cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định tại Điều lệ này; b) Cổ đông sáng lập không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời hạn	Điều 9	Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ	Sửa đổi nội dung phù hợp theo quy định của Luật DN, Thông tư 121/2020/TT-BTC; Theo nội dung tại mẫu Điều lệ theo thông tư 116/2020/TT-BTC.

	<p>ba (03) năm kể từ ngày thành lập, trừ trường hợp chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác trong Công ty và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật. Việc chuyển nhượng này vẫn phải đảm bảo tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông sáng lập theo quy định của pháp luật hiện hành. Hết thời hạn trên, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ. Hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập chỉ áp dụng đối với số cổ phần đã mua tại thời điểm thành lập Công ty.</p> <p>c) Giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm từ mười phần trăm (10%) trở lên vốn điều lệ đã góp, giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông góp vốn vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn Điều lệ đã góp của Công ty phải được UBCK chấp thuận, trừ trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán và chuyển nhượng theo quyết định của tòa án.</p>		<p>không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật</p>	
--	--	--	--	--

16.	Điều 15	Điều 15: Mua lại cổ phần	Điều 10	Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều 15 Điều lệ thành Điều 10: Điều 10. Mua cổ phần, trái phiếu, mua lại cổ phần 10.1, Mua cổ phần, trái phiếu: Cổ phần, trái phiếu của công ty cổ phần có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty và phải được thanh toán đủ một lần. 10.2, Mua lại cổ phần: Công ty chỉ được quyền mua lại cổ phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện và tỷ lệ mua lại theo quy định của pháp luật. Tỷ lệ, cách thức, thủ tục mua lại cổ phiếu, xử lý các cổ phần được mua lại được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.	Sửa nội dung phù hợp theo quy định của Luật DN quy định về việc mua lại CP; Theo quy định tại Điều 131 đến Điều 134 Luật DN
17.	Điều 16	Điều 16: Cách thức tăng, giảm vốn Điều lệ		Bỏ nội dung này (đã được quy định tại khoản 2 Điều 6 của Điều lệ)	Phù hợp theo quy định tại Luật DN, Điều lệ mẫu.
18.		Chưa quy định	Điều 11	Bổ sung nội dung: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm	Sửa đổi phù hợp theo quy định Điều 137 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu

				soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông. 2. Hội đồng quản trị 3. Ban kiểm soát. 4. Tổng giám đốc.	
19.	Điều 17	Điều 17. Thông tin về cổ đông sáng lập		Bỏ nội dung Điều 17 của Điều lệ	Phù hợp theo quy định của Điều 120 Luật DN Và nội dung Điều lệ mẫu theo thông tư 116/2020/TT-BTC
20.	Điều 18	Điều 18. Quyền của cổ đông của Công ty	Điều 12	Sửa đổi, bổ sung Điều 12. Quyền của cổ đông.	Phù hợp theo quy định tại Điều 115 Luật Doanh nghiệp
21.	Điều 19	Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông	Điều 13	Sửa đổi, bổ sung Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông. 5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chi sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác. 6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau: a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;	Phù hợp theo quy định tại Điều 119 Luật Doanh nghiệp Điều lệ mẫu.

				<p>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>đ) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a) Vi phạm pháp luật;</p> <p>b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty</p>	
22.	Điều 20	Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông		<p>Bổ nội dung Điều 20.</p> <p>Quy định về người đại diện ủy quyền của cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Luật Doanh nghiệp</p>	
23.	Điều 21	Điều 21. Bộ máy quản trị điều hành của Công ty		Sửa đổi thành Điều 11 của Điều lệ.	
24.	Điều 22	Điều 22. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ	Điều 15	Sửa đổi, bổ sung nội dung thành Điều 15	Phù hợp theo quy định

		đồng		của Điều lệ	tại Điều 138 Luật Doanh nghiệp
25.	Điều 23	Điều 23. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 14	Sửa đổi, bổ sung nội dung thành Điều 14 của Điều lệ.	Phù hợp theo quy định tại Điều 139, Điều 140 Luật Doanh nghiệp
26.		Chưa quy định	Điều 16	Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung nội dung quy định tại Điều lệ mẫu theo thông tư 116/2020/TT-BTC
27.		Chưa quy định	Điều 17	Điều 17. Thay đổi các quyền	Bổ sung nội dung quy định tại Điều lệ mẫu theo thông tư 116/2020/TT-BTC
28.	Điều 24	Điều 24. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 18	Sửa đổi, bổ sung nội dung thành: Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung nội dung theo quy định tại Điều 141, 142, 143 Luật Doanh nghiệp; Theo nội dung Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC.
29.	Khoản 1 Điều 25	Điều 25. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.	Khoản 1 Điều 19	Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.	Theo nội dung quy định tại Điều 145 Luật Doanh nghiệp
30.	Điều 26	Điều 26. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 20	Sửa đổi, bổ sung nội dung thành: Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu	Theo nội dung quy định tại Điều 146 Luật

				quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Doanh nghiệp
31.	Điều 27	Điều 27. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 21	Sửa đổi, bổ sung nội dung thành: Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.	Theo quy định tại Điều 147, 148 Luật Doanh nghiệp
32.		Quy định tại khoản 6 Điều 27 Điều lệ	Điều 22	Sửa đổi, bổ sung nội dung thành: Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	Theo nội dung quy định tại Điều 149 Luật Doanh nghiệp
33.	Điều 28, Điều 29	Điều 28. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Điều 29. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 23	Sửa đổi, bổ sung nội dung thành: Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Theo nội dung quy định tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp; Nội dung Điều lệ mẫu Công ty
34.		Chưa quy định	Điều 24	Bổ sung nội dung Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Theo nội dung quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp;
35.	Điều 30	Điều 30. Thẩm quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 27	Sửa đổi, bổ sung nội dung thành: Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Theo nội dung quy định tại Điều 153 Luật Doanh nghiệp; Theo nội dung Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC
36.	Điều 31	Điều 31. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị Bổ nội dung: "Số lượng thành viên HĐQT độc lập chiếm ít nhất 20% số thành viên HĐQT"	Điều 26	Sửa đổi, bổ sung nội dung thành: Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị Bổ sung các điều sau: - Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.	Theo nội dung quy định tại Điều 154 Luật Doanh nghiệp; Theo nội dung Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC

				<p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 01 thành viên.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.</p>	
37.	Điều 32	Điều 32. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và tiêu chuẩn, Điều kiện làm thành viên	Điều 25	Sửa đổi, bổ sung nội dung thành: Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội	Theo nội dung Điều lệ mẫu tại thông tư

		Hội đồng quản trị		đồng quản trị	116/2020/TT-BTC
38.		Chưa quy định	Điều 28	Bổ sung nội dung Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Theo nội dung Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC
39.	Điều 33	Điều 33. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị		Bỏ nội dung này. (đưa ý lên khoản 2, 3 Điều 26 Điều lệ Công ty).	Theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp; Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC.
40.	Điều 34	Điều 34. Chủ tịch Hội đồng quản trị - Bỏ nội dung: “Trừ khi được ĐHĐCĐ chấp thuận. Chủ tịch HĐQT kiêm chức Tổng giám đốc phải được ĐHĐCĐ phê chuẩn hằng năm tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên”. - Bỏ các nội dung từ điểm g đến điểm o.	Điều 29	Sửa đổi, bổ sung nội dung thành: Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị - Thay bằng “Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này”. - Bổ sung khoản 4: “4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.”	Theo quy định tại Điều 156 Luật Doanh nghiệp; Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC.
41.	Điều 35	Điều 35. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp Nội dung tại điểm 9, Điều 35: “Quyết định của HĐQT được thông qua nếu hơn một	Điều 30	Sửa đổi, bổ sung nội dung thành: Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị Sửa đổi thành:	Theo quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp; Điều lệ mẫu tại thông

		phần hai tổng số thành viên dự họp chấp thuận.”		“11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.”	tư 116/2020/TT-BTC.
42.	Điều 36	Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị		Bổ nội dung này <i>(Nội dung tại khoản 12, 13 Điều 30 Điều lệ)</i>	Thực hiện theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp. Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC.
43.		Chưa quy định	Điều 31	Bổ sung nội dung này Điều 31. Các Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban. 2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội	Theo Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC.

				đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.	
44.	Điều 37	Điều 37. Ban Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của HDQT	Điều 32	Điều chỉnh, cập nhật nội dung thành: Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty, Ban Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro. <i>(Bổ sung quy định về Người phụ trách quản trị Công ty)</i>	Theo Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC.
45.		Chưa quy định	Điều 33	VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC Bổ sung nội dung này: Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	Theo Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC.
46.		Chưa quy định	Điều 34	Bổ sung nội dung này: Điều 34. Người điều hành công ty 1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng	Theo Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC.

				<p>Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.</p> <p>2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đề hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên</p>	
47.	Điều 38	Điều 38. Thành phần, nhiệm kỳ của thành viên Ban Tổng Giám đốc; quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc và thành viên Ban Tổng Giám đốc.	Điều 35	Sửa đổi, bổ sung thành Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc	Theo Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC.
48.	Điều 39	Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc		Cập nhật tại nội dung khoản 5 Điều 35 Điều lệ Công ty	Quy định tại Điều 10 Thông tư

					121/2020/TT-BTC Điều lệ mẫu tại thông tur 116/2020/TT-BTC
49.	Điều 40	Điều 40. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc		Cập nhật tại nội dung khoản 6 Điều 35 Điều lệ Công ty	Điều lệ mẫu tại thông tur 116/2020/TT-BTC
50.	Điều 41	Điều 41. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc		Cập nhật tại nội dung khoản 7 Điều 35 Điều lệ Công ty.	Quy định Điều 12 Thông tur 121/2020/TT-BTC
51.		Chưa quy định	Điều 36	Bổ sung nội dung: Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên 1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này. 2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật	Điều lệ mẫu tại thông tur 116/2020/TT-BTC
52.	Điều 42	Điều 42. Số lượng, nhiệm kỳ và thành phần của Ban Kiểm soát	Điều 37	Cập nhật, bổ sung nội dung Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát 1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là	Điều lệ mẫu tại thông tur 116/2020/TT-BTC Quy định Điều 168 Luật Doanh nghiệp.

			<p>03 người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p> <p>4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p>	
--	--	--	---	--

				<p>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;</p> <p>d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p>	
53.	Điều 43	Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát	Điều 39	<p>Cập nhật nội dung thành: Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p>	Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC Quy định Điều 169 Luật Doanh nghiệp.
54.	Điều 44	Điều 44. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát	Điều 40	<p>Cập nhật, bổ sung nội dung Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p>	

				2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.	
55.	Điều 45	Điều 45. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên		Cập nhật tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ	Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC
56.	Điều 46	Điều 46. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát		Cập nhật tại khoản 3, 4 Điều 37 Điều lệ	Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC
57.		Chưa quy định cụ thể	Điều 38	<p>Bổ sung nội dung</p> <p>Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>Trưởng Ban kiểm soát của công ty chứng khoán không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</p> <p>a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p>	Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC. Khoản 1 Điều 9 Thông tư 121/2020/TT-BTC.

			<p>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông</p>	
58.		Khoản 2 Điều 43 của Điều lệ	<p>Điều 41 Cập nhật, bổ sung nội dung</p> <p>Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên</p> <p>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp</p>	Quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp

				Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.	
59.		Chưa quy định		Bổ sung nội dung X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	
60.		Chưa quy định	Điều 42	Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC.
61.		Chưa quy định	Điều 43	Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC.
62.	Điều 47	Điều 47. Các tranh chấp có thể xảy ra		Cập nhật, bổ sung tại Điều 56 của Điều lệ	Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC.
63.	Điều 48	Điều 48. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp		Cập nhật, bổ sung tại Điều 43 của Điều lệ	Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC.
64.	Điều 49	Điều 49. Các hợp đồng, giao dịch phải được chấp thuận		Tại khoản 6 Điều 42 của Điều lệ	Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC
65.		Chưa quy định	Điều 44	Bổ sung nội dung: XI. QUYÊN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC
66.		Chưa quy định		Bổ sung nội dung:	Điều lệ mẫu tại thông

				XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	tư 116/2020/TT-BTC
67.		Chưa quy định	Điều 45	Điều chỉnh, bổ sung nội dung	Điều 46. Phân phối lợi nhuận	Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC
68.		Chưa quy định	Điều 46	XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN Điều 47. Tài khoản ngân hàng	XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN Điều 47. Tài khoản ngân hàng	Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC
69.	Điều 50	Điều 50. Chế độ báo cáo và công bố thông tin	Điều 47	Bỏ nội dung Điều 50 của Điều lệ		
70.	Điều 51	Điều 51. Năm tài chính	Điều 48	Điều chỉnh nội dung thành: Điều 48. Năm tài chính Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.		
71.	Điều 52	Điều 52. Hệ thống kế toán	Điều 49	Điều chỉnh nội dung thành: Điều 49. Chế độ kế toán		Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC
72.		Chưa quy định	Điều 50	Bổ sung nội dung Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý		Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC
73.		Chưa quy định	Điều 51	Bổ sung nội dung Điều 51. Báo cáo thường niên		Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC
74.	Điều 53	Điều 53. Kiểm toán	Điều 52	XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY Điều 52. Kiểm toán		
75.	Điều 54	Điều 54. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận		Bỏ nội dung này (quy định về trả cổ tức chuyển thành khoản 1 Điều 46 của Điều lệ và thực hiện theo quy		

				định tại Luật DN)	
76.	Điều 55	Điều 55. Xử lý lỗ trong kinh doanh		Bỏ nội dung này	
77.	Điều 56	Điều 56. Trích lập các quỹ theo quy định		Bỏ nội dung này	
78.		Chưa quy định	Điều 53	XVI. DẤU CỦA CÔNG TY Điều 53. Dấu của Công ty	Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC
79.	Điều 57	Điều 57. Gia hạn thời hạn hoạt động		Bỏ nội dung này	
80.	Điều 58	Điều 58. Tổ chức lại Công ty		Bỏ nội dung này	
81.	Điều 59	Điều 59. Giải thể	Điều 54	Điều chỉnh nội dung thành XVII. GIẢI THỂ CÔNG TY Điều 54. Giải thể Công ty	Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC
82.		Chưa quy định	Điều 55	Bổ sung nội dung Điều 55. Thanh lý	Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC
83.		(Nội dung của Điều 43 Điều lệ)	Điều 56	XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ	Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC
84.	Điều 60	Điều 60. Phá sản		Bỏ nội dung này	
85.	Điều 61	Điều 61. Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ	Điều 57	Điều chỉnh nội dung Điều 57. Điều lệ Công ty	Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC
86.	Điều 62	Điều 62. Ngày hiệu lực	Điều 58	Điều chỉnh nội dung Điều 58. Ngày hiệu lực	Điều lệ mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC
87.				NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY TỔNG GIÁM ĐỐC	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

(Sửa đổi lần 7, được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Hà Nội
theo Nghị quyết số ~~600/2024~~ NQ-ĐHCD ngày 22. tháng 09. năm 2024)

Hà Nội, tháng 09/2024

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	4
CĂN CỨ PHÁP LÝ.....	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ.....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	5
ĐIỀU 2. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	5
ĐIỀU 3. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT.....	6
III. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG, NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	7
ĐIỀU 4. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG.....	7
ĐIỀU 5. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG.....	8
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN; CỔ ĐÔNG.....	9
ĐIỀU 6. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	9
ĐIỀU 7. CHỨNG NHẬN CỔ PHIẾU.....	10
ĐIỀU 8. CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC.....	10
ĐIỀU 9. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN.....	11
ĐIỀU 10. MUA CỔ PHẦN, TRÁI PHIẾU, MUA LẠI CỔ PHẦN.....	11
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	11
ĐIỀU 11. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	11
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	11
ĐIỀU 12. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG.....	11
ĐIỀU 13. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG.....	13
ĐIỀU 14. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	14
ĐIỀU 15. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	15
ĐIỀU 16. ỦY QUYỀN THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	17
ĐIỀU 17. THAY ĐỔI CÁC QUYỀN.....	18
ĐIỀU 18. TRIỆU TẬP HỌP, CHƯƠNG TRÌNH HỌP VÀ THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	18

ĐIỀU 19.	CÁC ĐIỀU KIỆN TIÊN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	20
ĐIỀU 20.	THỂ THỨC TIÊN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	20
ĐIỀU 21.	ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐƯỢC THÔNG QUA.....	22
ĐIỀU 22.	THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỀ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	23
ĐIỀU 23.	NGHỊ QUYẾT, BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	25
ĐIỀU 24.	YÊU CẦU HỦY BỎ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	26
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		26
ĐIỀU 25.	ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	26
ĐIỀU 26.	THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỶ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	27
ĐIỀU 27.	QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	27
ĐIỀU 28.	THÙ LAO, THƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	29
ĐIỀU 29.	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	30
ĐIỀU 30.	CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	30
ĐIỀU 31.	CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	32
ĐIỀU 32.	NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY, BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO	32
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC		34
ĐIỀU 33.	TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ	34
ĐIỀU 34.	NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY.....	34
ĐIỀU 35.	BỘ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	35
IX. BAN KIỂM SOÁT		37
ĐIỀU 36.	ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ KIỂM SOÁT VIÊN	37
ĐIỀU 37.	THÀNH PHẦN BAN KIỂM SOÁT	38
ĐIỀU 38.	TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT.....	38
ĐIỀU 39.	QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT	39
ĐIỀU 40.	CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	39

ĐIỀU 41.	TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, THƯỜNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA KIỂM SOÁT VIÊN.....	40
X.	TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	40
ĐIỀU 42.	TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI.....	40
ĐIỀU 43.	TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG.....	41
XI.	QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	43
ĐIỀU 44.	QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ	43
XII.	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	43
ĐIỀU 45.	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	44
XIII.	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	44
ĐIỀU 46.	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	44
XIV.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	44
ĐIỀU 47.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG	45
ĐIỀU 48.	NĂM TÀI CHÍNH.....	45
ĐIỀU 49.	CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	45
ĐIỀU 50.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM, BÀN NIÊN VÀ QUÝ	45
ĐIỀU 51.	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN.....	45
XV.	KIỂM TOÁN CÔNG TY	45
ĐIỀU 52.	KIỂM TOÁN	46
XVI.	DẤU CỦA CÔNG TY	46
ĐIỀU 53.	DẤU CỦA CÔNG TY.....	46
XVII.	GIẢI THẺ CÔNG TY.....	46
ĐIỀU 54.	GIẢI THẺ CÔNG TY.....	46
ĐIỀU 55.	THANH LÝ	46
XVIII.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	47
ĐIỀU 56.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	47
XIX.	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	47
ĐIỀU 57.	ĐIỀU LỆ CÔNG TY	48
XX.	NGÀY HIỆU LỰC.....	48
ĐIỀU 58.	NGÀY HIỆU LỰC	48

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (“Công ty”) được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ngày ... tháng ... năm

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.
- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông số ,.....

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) “Công ty” là Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia
 - b) “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá số cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi vào Điều lệ công ty;
 - c) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019
 - d) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020
 - e) “Người điều hành” có nghĩa là Tổng giám đốc và các thành viên khác thuộc Ban điều hành Công ty
 - f) “Người quản lý công ty” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.
 - g) “Người nội bộ” là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin;
 - h) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp;

- i) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.
 - j) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành.
 - k) “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
 - l) “Sở Giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
 - m) “UBCK” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.
 3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều của Điều lệ) được đưa vào để thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Điều lệ.
 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
 - a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**
 - b) Tên Tiếng Anh: Royal International Securities Corporation
 - c) Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia
 - d) Tên viết tắt: IRS
2. Hình thức pháp lý của Công ty:

Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng gia là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng gia được thành lập và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các quy định tại Điều lệ này và phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở Công ty:
 - a) Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12 Tòa nhà CDC - 25 Phố Lê Đại Hành – Phường Lê Đại

Hành – Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội

- b) Điện thoại: (024) 3944 6666 Fax: (024) 3944 6969
- c) Email: contact@irs.com.vn
- d) Địa chỉ trang web: www.irs.com.vn

4. Mạng lưới hoạt động

- a) Công ty có thể có chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện để thực hiện các Mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị trong phạm vi pháp luật cho phép;
- b) Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;
- c) Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được UBCK chấp thuận.
- d) Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công ty kèm theo cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.

5. Thời hạn hoạt động:

Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và vô thời hạn trừ trường hợp chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

- 1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 12, Điều 13 của Luật doanh nghiệp và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- 2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty:
 - a) Chức danh của người đại diện theo pháp luật: Tổng Giám đốc
 - b) Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:
 - Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;
 - Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

- c) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thường trú ở Việt Nam. Trường hợp người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ đã ủy quyền.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo Khoản 3 Điều này mà Người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì thực hiện theo quy định sau đây:
 - a) Người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tư nhân cho đến khi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp trở lại làm việc tại doanh nghiệp;
 - b) Người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi chủ sở hữu công ty, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.
5. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì chủ sở hữu công ty, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.
6. Tòa án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

III. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG, NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đầu tư tài

chính, chứng khoán với mục tiêu thu lợi nhuận; tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; mang lại cổ tức cao cho các cổ đông; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật Việt Nam và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi hoạt động kinh doanh, nguyên tắc hoạt động

1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty là:
 - a) Môi giới chứng khoán;
 - b) Tự doanh chứng khoán;
 - c) Tư vấn đầu tư chứng khoán; tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác;
 - d) Lưu ký chứng khoán;
 - e) Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - f) Và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại khoản 1 Điều này khi được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Nguyên tắc hoạt động:
 - 3.1. Nguyên tắc hoạt động quản trị, điều hành Công ty:
 - a) Công ty phải tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan về quản trị công ty
 - b) Công ty phải phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc phù hợp với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
 - c) Công ty phải thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông, thành viên để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, giữa các thành viên, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, của thành viên.
 - d) Công ty phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ công ty và trong giao dịch với người có liên quan.
 - e) Công ty phải bảo đảm nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, liêm trực và thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng.
 - 3.2. Nguyên tắc hoạt động nghiệp vụ của Công ty
Công ty khi thực hiện hoạt động nghiệp vụ phải đảm bảo các nguyên tắc sau:
 - a) Công ty Phải ban hành các quy trình hoạt động cho các nghiệp vụ;
 - b) Công ty Phải ban hành quy tắc đạo đức hành nghề;
 - c) Công ty, nhân viên công ty không được thực hiện đầu tư thay cho khách hàng trừ

trường hợp ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân theo quy định pháp luật;

- d) Công ty có trách nhiệm trung thực với khách hàng, không được xâm phạm tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng;
- e) Công ty thực hiện quản lý tách biệt tài sản của từng khách hàng, tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của công ty chứng khoán;
- f) Công ty Có trách nhiệm ký hợp đồng với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng;
- g) Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, công ty chứng khoán khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng không được trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện các hành vi sau: Quyết định đầu tư chứng khoán thay cho khách hàng; Thỏa thuận với khách hàng để chia sẻ lợi nhuận hoặc lỗ; Quảng cáo, tuyên bố rằng nội dung, hiệu quả, hoặc các phương pháp phân tích chứng khoán của mình có giá trị cao hơn của công ty chứng khoán khác; Có hành vi cung cấp thông tin sai sự thật để dụ dỗ hay mời gọi khách hàng mua bán một loại chứng khoán nào đó; Cung cấp thông tin sai lệch, gian lận, hoặc gây hiểu nhầm cho khách hàng; Các hành vi khác trái với quy định của pháp luật;
- h) Công ty Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;
- i) Công ty Thực hiện công bố thông tin và báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật;
- j) Công ty Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục;
- k) Công ty Thực hiện giám sát giao dịch chứng khoán theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- l) Công ty phải thiết lập một bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;
- m) Công ty Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật chứng khoán và pháp luật có liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN; CỔ ĐÔNG

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: **300.000.000 đồng** (bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **30.000.000 cổ phần** (bằng chữ: Ba mươi triệu cổ phần) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu. Quy định này không áp dụng trường hợp cổ phiếu của Công ty đã niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán.

4. Trừ trường hợp cổ phiếu của Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ

ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật

Điều 10. Mua cổ phần, trái phiếu, mua lại cổ phần

10.1. Mua cổ phần, trái phiếu:

Cổ phần, trái phiếu của công ty cổ phần có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty và phải được thanh toán đủ một lần.

10.2. Mua lại cổ phần:

Công ty chỉ được quyền mua lại cổ phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện và tỷ lệ mua lại theo quy định của pháp luật.

Tỷ lệ, cách thức, thủ tục mua lại cổ phiếu, xử lý các cổ phần được mua lại được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông

trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng

cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua

các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- d) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt/ Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt/Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong

các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- d) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Công ty niêm yết. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 07 làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
- b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp

Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội

đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Hội đồng quản trị quyết định và lựa chọn việc áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty đối với mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, kể cả các vấn đề sau:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- d) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài

liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);

i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

k) Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố

thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng cử viên; Từ 10% đến dưới 30%: được đề cử hai (02) ứng cử viên; Từ 30% đến dưới 40%: được đề cử ba (03) ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 01 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị không quá 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ

phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

r) Yêu cầu Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.

Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có

sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

d) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập tuân thủ theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp và khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15.

13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty, Ban Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro

1. Người phụ trách quản trị công ty:

a. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

b. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

c. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- Tham dự các cuộc họp;
- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty; Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này

2, Ban Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro

a. Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật, tuân thủ quy định pháp lý hiện hành. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Ban Kiểm toán nội bộ như sau:

- Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
- Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
- Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
- Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
- Đánh giá kiểm soát nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;
- Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
- Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
- Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
- Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
- Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
- Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con;
- Chức năng khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

b. Chức năng và nguyên tắc hoạt động của Bộ phận Quản trị rủi ro:

- Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức

độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận trong Công ty;

- Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
- Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
- Chức năng khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

c. Yêu cầu về nhân sự của Ban Kiểm toán nội bộ:

- Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng năm (05) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;
- Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
- Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc; Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
- Có Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán;
- Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ

chức.

3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty chứng khoán, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Đại diện Công ty ký kết các hợp đồng, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;

j) Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị thông qua;

k) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết

định của Hội đồng quản trị.

Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

5. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc công ty chứng khoán không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác; Tổng Giám đốc công ty chứng khoán không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác.

Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;
- b) Có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;
- c) Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;
- d) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 06 tháng gần nhất.

Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc phụ trách nghiệp vụ phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 5 Điều 74 Luật Chứng khoán.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

7. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc

a, Bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng giám đốc có nhiệm vụ kiểm soát việc tuân thủ:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty;
- Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;

- Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
- Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
- Tách biệt tài sản của khách hàng;
- Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
- Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
- Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.

b. Công ty chứng khoán phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của công ty nhằm bảo đảm mục tiêu:

- Hoạt động của công ty chứng khoán tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan;
- Bảo đảm quyền lợi khách hàng;
- Hoạt động của công ty chứng khoán an toàn, hiệu quả; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
- Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; trung thực trong việc lập báo cáo tài chính của công ty.

c. Yêu cầu nhân sự của bộ phận kiểm soát nội bộ

- Bố trí tối thiểu 01 nhân viên làm kiểm soát tuân thủ;
- Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán, có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
- Không phải là người có liên quan đến các trường bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong công ty chứng khoán;
- Có chứng chỉ chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán, và chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Không kiêm nhiệm các công việc khác trong công ty chứng khoán;

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử

theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
Trưởng Ban kiểm soát của công ty chứng khoán không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, hải miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách

nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội

đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội

đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cân trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 50. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

1. Nghĩa vụ công bố thông tin:

- a) Công ty phải thực hiện chế độ công bố thông tin, báo cáo định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền một cách đầy đủ, kịp thời. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu công bố, báo cáo;
- b) Việc công bố thông tin được thực hiện theo những cách thức nhằm đảm bảo cho cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng tại cùng một thời điểm. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây nhầm lẫn cho cổ đông và công chúng đầu tư.

2. Nội dung công bố thông tin:

- a) Công ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:
 - Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và báo cáo khác theo quy định của pháp luật;
 - Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra hoặc phát hiện sự kiện theo luật định;
 - Công bố thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền.
- b) Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị của Công ty trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông hàng năm, trong báo cáo thường niên của Công ty.

3. Tổ chức công bố thông tin: Công ty thực hiện xây dựng và ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin đáp ứng yêu cầu sau:

- a) Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
- b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
- c) Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ

đồng, ghi nhận những ý kiến của cổ đông và định kỳ công bố, giải đáp, trả lời những ý kiến đó và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định.

4. Người công bố thông tin: Việc công bố thông tin phải do Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do Người được ủy quyền công bố.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty trên cơ sở ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.
4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/ đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVI. DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 53. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn (nếu có);
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng

quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XX. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 20 mục, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia nhất trí thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2024 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY



TRẦN THỊ THU HƯƠNG

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
NĂM 2023**

*Kính thưa Đoàn chủ tịch,
Kính thưa các Quý vị cổ đông,*

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia, lời đầu tiên tôi xin nhiệt liệt chào mừng và cảm ơn sự hiện diện của quý vị Cổ đông của Công ty đã dành thời gian quý báu để tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty ngày hôm nay.

Năm 2023, kinh tế thế giới bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi lạm phát toàn cầu, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm do ảnh hưởng tiêu cực từ lạm phát và sự tăng giá của đồng đô la Mỹ. Thị trường chứng khoán Việt Nam tuy khởi sắc nhưng gặp nhiều thách thức từ dòng tiền yếu và những khó khăn của các doanh nghiệp phải đối mặt về mặt tài chính, lạm phát...

Tuy nhiên với sự quyết tâm, bền bỉ của Ban lãnh đạo, sự hỗ trợ của các đối tác, và sự tin tưởng của quý Cổ đông cũng như khách hàng đã tạo điều kiện để Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia giữ được lợi nhuận và phát triển bền vững.

Tại Đại hội lần này, thay mặt Hội đồng quản trị Công ty, tôi xin báo cáo đến toàn thể Quý vị Cổ đông về kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2023, và các kế hoạch định hướng phát triển cho Công ty năm 2024.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Kết quả thực hiện năm 2023 như sau:

Tổng doanh thu kinh doanh thuần toàn Công ty năm 2023 là 19.927.837.200 đồng.

Chi tiết cho các hoạt động kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng
Doanh thu	19.927.837.200	
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	10.987.574.740	55,1%
Doanh thu từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	2.968.736.164	14,9%
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	4.064.260.202	20,4%
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	322.057.143	1,6%
Doanh thu lưu ký chứng khoán	272.364.032	1,4%
Doanh thu từ các khoản cho vay và phải thu	816.341.104	4,1%
Doanh thu khác	496.503.815	2,5%

Trước những khó khăn của thị trường chứng khoán, song song với việc duy trì ổn định về tổ chức bộ máy hoạt động, quản lý hiệu quả các khoản chi phí đã giúp Công ty có lợi nhuận năm 2023 (lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 664.346.763 đồng).

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu	30.950.197.950	19.927.837.200
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	12.399.013.476	8.673.749.420
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	1.514.417.514	254.236.537
Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	3.349.944.730	1.633.127.150
Lợi nhuận sau thuế	1.200.165.316	664.346.763

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và nâng cao chất lượng của đội ngũ nhân sự, tăng năng suất lao động, bảo đảm thu nhập thỏa đáng cho người lao động, thực hiện tốt chính sách lao động theo quy định của pháp luật.

2. Đánh giá về các mặt hoạt động của Hội Đồng Quản trị

Trong năm 2023, trước những thách thức từ thị trường cũng như đánh giá những thuận lợi và khó khăn trong quá trình kinh doanh của Công ty, các thành viên trong

HDQT Công ty đã tích cực phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả tốt trên các mặt hoạt động của Công ty. HDQT trị đóng vai trò định hướng, chỉ đạo, giám sát tình hình triển khai các chủ trương, nghị quyết, quyết định và hỗ trợ Ban điều hành trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kết quả hoạt động kinh doanh đã phản ánh sự nỗ lực lớn của toàn thể Công ty trong năm 2023 trong bối cảnh thị trường khó khăn.

Hội đồng quản trị của Công ty hoạt động đúng theo quy định của Điều lệ, Luật Doanh nghiệp 2020, HDQT đã thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông lần đầu, bám sát định hướng chiến lược và căn cứ vào tình hình thực tế đưa ra các quyết định, các chỉ đạo chính sách, kịp thời. Một số công việc chính:

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- HDQT đã chỉ đạo Ban Giám Đốc trong việc đổi mới công tác quản trị điều hành, củng cố và sắp xếp lại bộ máy tổ chức trong Công ty cho phù hợp với mô hình phát triển của Công ty.
- HDQT đã thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán uy tín, có kinh nghiệm trong việc soát xét BCTC, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

- Ban Giám đốc Công ty dưới sự quản lý, chỉ đạo và giám sát của HDQT đã điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ do HDQT đề ra phù hợp với pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong hoạt động điều hành Ban Giám đốc đã thường xuyên báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của HDQT đồng thời tích cực, chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh hàng ngày đảm bảo việc điều hành thông suốt, linh hoạt, hiệu quả.
- Dưới sự chỉ đạo và giám sát của HDQT, Ban Giám đốc đã trực tiếp xây dựng và ban hành hoặc trình HDQT ban hành các văn bản, quy trình, quy chế nội bộ góp phần kiện toàn mô hình bộ máy tổ chức, nhân sự của Công ty theo hướng tinh gọn, chất lượng và hiệu quả.
- Với những biến động trong năm 2023 và thực trạng hoạt động của Tổ chức bộ máy, HDQT đã chỉ đạo Ban Giám Đốc thực hiện phân công lại trách nhiệm cho



các Phòng ban trên cơ sở phát huy cao nhất năng lực, trí tuệ và trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ, tăng cường sự phối hợp nhịp nhàng và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình.

- Năm 2023, Công ty đã đạt được những kết quả hết sức khả quan. Để có được kết quả này, Ban GD Công ty đã làm tốt công tác tổ chức thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, có nhiều giải pháp quyết liệt, năng động và kiên trì trong kinh doanh cũng như trong quản lý điều hành Công ty. Đây là cố gắng rất lớn lao của Ban Giám đốc cùng toàn thể Cán bộ, nhân viên của Công ty trong năm qua, tạo tiền đề cho Công ty phát triển bền vững trong những năm tới.

4. Ngân sách, thù lao, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc:

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Công ty không thực hiện trả thù lao cho Hội đồng quản trị.

- Lương, thưởng của Tổng Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh và có báo cáo chi tiết tại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Thu nhập lương thưởng của Tổng giám đốc năm 2023 là: 270.849.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

5. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Chủ động tích cực tìm kiếm các thị trường, phát huy tối đa các nguồn lực để tập trung đầu tư phát triển kinh doanh mang lại lợi nhuận cao và tạo nên thương hiệu mạnh cho Công ty, tạo nhiều việc làm cho xã hội, nâng cao thu nhập cho người lao động.
- Tiếp tục tuyển dụng nhân sự chất lượng cao, có trình độ chuyên môn phù hợp để triển khai có hiệu quả Kế hoạch phát triển của Công ty.
- Xây dựng chiến lược lâu dài trong công tác đầu tư đổi mới sản phẩm, dịch vụ cung cấp đáp ứng yêu cầu của khách hàng, có như vậy, Công ty mới phát triển bền vững.

Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 cụ thể như sau:

		<i>Đơn vị: đồng</i>
STT	Nội dung	Năm 2024
1	Vốn điều lệ	300.000.000.000
2	Doanh thu	21.920.620.920
3	Lợi nhuận sau thuế	739.581.440

Kính thưa đoàn chủ tịch. Kính thưa các quý vị cổ đông.

Trên đây là Báo cáo của HĐQT về hoạt động của HĐQT Công ty năm 2023; phương hướng, tôn chỉ và chiến lược hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2024.

Thay mặt HĐQT, tôi xin kính chúc các quý vị đại biểu, các Quý vị cổ đông dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt. Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN HĐQT



Trần Thị Thu Hương

**BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2023
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2024**

Kính gửi: Quý vị cổ đông CTCP Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia

Ban điều hành Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia xin được báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty đến 31/12/2023 và một số mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024 tới các Quý vị cổ đông như sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

Tổng doanh thu kinh doanh thuần toàn Công ty năm 2023 là 19.927.837.200 đồng. Chi tiết cho các hoạt động kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng
Doanh thu	19.927.837.200	
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	10.987.574.740	55,1%
Doanh thu từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	2.968.736.164	14,9%
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	4.064.260.202	20,4%
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	322.057.143	1,6%
Doanh thu lưu ký chứng khoán	272.364.032	1,4%
Doanh thu từ các khoản cho vay và phải thu	816.341.104	4,1%
Doanh thu khác	496.503.815	2,5%

Năm 2023 là năm đầy biến động và khó khăn đối với thị trường chứng khoán, song song với việc duy trì ổn định về tổ chức bộ máy hoạt động, quản lý hiệu quả

các khoản chi phí, tối ưu hóa các nguồn lực đã giúp Công ty vẫn có được lợi nhuận sau thuế năm 2023 là 664.346.763 VND tuy nhiên chi bằng 55,35% so với năm 2022.

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu	30.950.197.950	19.927.837.200
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	12.399.013.476	8.673.749.420
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	1.514.417.514	254.236.537
Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	3.349.944.730	1.633.127.150
Lợi nhuận sau thuế	1.200.165.316	664.346.763

1.1 Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Qua bảng báo cáo tình hình tài chính của Công ty năm 2023 và năm 2022, ta thấy cơ cấu tài sản (tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn) của Công ty năm 2023 so với năm 2022 nhìn chung có sự thay đổi. Năm 2022 tài sản ngắn hạn chiếm 96,2% đến năm 2023 tài sản ngắn hạn chiếm 95,8%. Tài sản dài hạn năm 2022 chiếm 3,8% trong khi đó tài sản dài hạn năm 2023 chiếm 4,2%.

b. Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả năm 2023 giảm 14% so với năm 2022 chủ yếu do người mua trả tiền trước và chi phí phải trả ngắn hạn khác giảm.

1.2 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2023, Công ty vẫn xác định mục tiêu tiếp tục tiến hành thay đổi cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro.

1.3 Kế hoạch phát triển trong tương lai

Từ định hướng phát triển của Công ty, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định chiến lược trung, dài hạn của Công ty như sau:

- IRS phát huy tất cả các nguồn lực để phát triển không phụ thuộc vào điều kiện thị trường. Công ty sẽ tập trung vào dịch vụ chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp và hoạt động tài chính. Tiếp tục tạo ra sự khác biệt trong các sản phẩm dịch vụ mang bản sắc riêng của IRS dựa trên tiềm năng và thế mạnh của IRS.
- Công tác quản lý và điều hành: Tăng cường hiệu quả sự phối hợp giữa các phòng ban, nâng cao kỹ năng quản lý nhân sự, hoàn thiện các quy chế quản lý điều hành phù hợp với tình hình thực tế.
- Công tác nhân sự: Phát triển đội ngũ nhân sự trung thành, nhiệt huyết với định hướng dịch vụ của Công ty. Bồi dưỡng cán bộ có năng lực để làm tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong tương lai.
- Công tác xây dựng thương hiệu: Xây dựng thương hiệu mạnh dựa trên uy tín và chất lượng dịch vụ khách hàng, trở thành công ty chứng khoán thân thiện, có bản sắc riêng.
- Công tác tài chính: Đảm bảo cân đối tài chính, công ty không thua lỗ, phấn đấu đạt lợi nhuận khi điều kiện thị trường thuận lợi.

2. Định hướng và chiến lược phát triển IRS

Định hướng về nhân sự

Nhân sự tuyển dụng tại IRS cần có những tố chất và kỹ năng phù hợp với công việc thực tế, có sự thích ứng cao với môi trường làm việc năng động, không yêu cầu bắt buộc phải có kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực chứng khoán.

Nhân viên làm việc tại IRS là những người có thái độ làm việc nhiệt tình, cởi mở với đồng nghiệp, thân thiện, tận tâm với khách hàng, luôn đề cao yếu tố đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần cầu tiến và vì tập thể.

IRS tạo môi trường làm việc thân thiện, bình đẳng để nhân viên có thể phát huy tối đa năng lực, hướng tới mục tiêu xây dựng một đội ngũ nhân sự phù hợp với định hướng dịch vụ, có nhiệt huyết và sự sẻ chia, gắn bó trong quá trình phát triển của Công ty.

Định hướng về dịch vụ

Tập trung phát triển dịch vụ môi giới và dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp với vai trò là nhà môi giới tổ chức chuyên nghiệp.

Đa dạng và chuẩn hóa các dịch vụ dựa trên nhu cầu chung của khách hàng, quan tâm đến các yếu tố mang tính đặc thù riêng của từng nhóm khách hàng, qua đó tạo nên sự khác biệt riêng có về chất lượng dịch vụ tại IRS.

Xác định khách hàng trong hoạt động môi giới không phải của riêng Công ty chứng khoán nào và IRS cần có phương thức tiếp cận phù hợp, không coi khách hàng là sở hữu. Xác định dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp cần phải đi theo cả vòng đời của doanh nghiệp, không đơn thuần chỉ là tư vấn cổ phần hóa, tư vấn niêm yết...

Định hướng về chăm sóc khách hàng

Chính sách chăm sóc khách hàng đa dạng, được chuyên nghiệp hóa theo nghiệp vụ của từng Phòng Ban, lấy sự hài lòng và thành công của khách hàng làm thước đo chất lượng dịch vụ với phương châm "Chăm sóc khách hàng từ TÂM".

IRS coi khách hàng như một thành viên gia đình trong mái nhà chung và khách hàng cũng coi đây là một tổ chức thực sự của mình.

Định hướng về công nghệ

IRS xác định phát triển công nghệ phù hợp theo định hướng dịch vụ trên cơ sở tăng cường các tiện ích nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng và đem lại hiệu quả cao nhất trong công tác chăm sóc, phục vụ khách hàng.

Định hướng về thương hiệu

IRS chủ trương tập trung xây dựng, phát triển thương hiệu dựa trên uy tín, chất lượng dịch vụ và văn hóa doanh nghiệp.

Thương hiệu IRS gắn với thương hiệu nhà đầu tư tại IRS.

IRS sẽ trở thành hình mẫu của một công ty chứng khoán thân thiện với chất lượng phục vụ khách hàng tốt nhất và có bản sắc riêng.

Định hướng về tài chính

IRS xác định làm dịch vụ thì không thể có lợi nhuận đột biến nhưng đổi lại, đó là sự an toàn và chắc chắn.

IRS duy trì chính sách tài chính cho nhà đầu tư trên cơ sở linh hoạt, phù hợp với từng giai đoạn phát triển của thị trường và nhu cầu của nhà đầu tư.

Xác định ổn định tài chính, đảm bảo cân đối nguồn vốn, duy trì tốt thanh khoản trong mọi điều kiện thị trường, quản lý tốt chi phí và tăng cường kiểm soát rủi ro là những vấn đề được ưu tiên hàng đầu trong hoạt động tài chính của Công ty.

Định hướng về chính sách đãi ngộ

Giá trị mà IRS làm nên là sự kết nối và cộng hưởng những chuỗi giá trị của cả một tập thể, mang tính ổn định cao và không bị chi phối, ảnh hưởng bởi vai trò của bất kỳ cá nhân nào.

IRS luôn coi lợi ích của Công ty, cán bộ nhân viên và cổ đông là một trên cơ sở hài hòa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể, gắn quyền lợi, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ chủ chốt với lợi ích của Công ty.

Định hướng về văn hóa IRS

Xây dựng văn hóa IRS mang tính chuyên nghiệp, giàu tính nhân văn nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống tinh thần, tạo động lực làm việc và niềm tự hào cho các thành viên, coi đây là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển bền vững.

Xác định xây dựng văn hoá IRS có nền tảng vững chắc, mang phong cách, bản sắc riêng là một quá trình lâu dài và là sự nghiệp chung của cả tập thể IRS.

T.M/ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Thị Thu Hương

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

*Kính thưa Đoàn Chủ tịch,
Kính thưa các quý vị đại biểu,
Kính thưa các quý vị cổ đông,*

- Căn cứ theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội;
- Căn cứ theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia;
- Căn cứ Báo cáo hoạt động SXKD năm 2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia;

Thực thi trách nhiệm và quyền hạn của mình theo chức năng và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý điều hành Công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2023. Dưới đây thay mặt Ban kiểm soát tôi xin báo cáo Đại hội các nội dung sau:

Phần I:

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023 VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC

A. Về hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính năm 2023:

Năm 2023, trong bối cảnh lạm phát diễn ra ở nhiều nước trên thế giới và hậu đại dịch COVID ảnh hưởng nặng nề tới nền kinh tế toàn cầu, thị trường chứng khoán Việt Nam cũng rơi vào giai đoạn suy giảm. Trước những điều không thuận lợi vĩ mô như trên nhưng Công ty có sự đồng lòng, nỗ lực của tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên, IRS vẫn giữ được kết quả kinh doanh có lãi. Ban kiểm soát cơ bản thống nhất với các nội dung của Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2023 đã được Tổng Giám đốc phê duyệt cụ thể như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023:



Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)
Doanh thu	19.927.837.200
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	10.987.574.740
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	4.064.260.202
Doanh thu từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	2.968.736.164
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	322.057.143
Doanh thu lưu ký chứng khoán	272.364.032
Doanh thu từ các khoản cho vay và phải thu	816.341.104
Doanh thu khác	496.503.815
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	840.433.454
Lợi nhuận kế toán trước thuế	840.433.454
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	664.346.763

II. Một số chỉ tiêu tài chính đến thời điểm 31/12/2023:

Vốn điều lệ	300.000.000.000
Tổng tài sản	315.215.735.123
Vốn góp của chủ sở hữu	300.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	15.443.214.055

Trong năm 2023, đứng trước sự ảnh hưởng lớn của lạm phát, việc đạt được những chỉ tiêu trên phản ánh nỗ lực chung của toàn thể Ban lãnh đạo và Cán bộ, nhân viên toàn Công ty.

B. Về công tác quản lý điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc công ty:

I. Công tác giám sát, điều hành và hoạt động của HĐQT:

Năm 2023 là thời gian Công ty vừa phải ổn định nhân sự, tổ chức; tiếp tục hoàn thiện các tiện ích, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hệ thống kiểm soát nội bộ, vừa tiếp tục triển khai đồng loạt các hoạt động cung cấp dịch vụ của mình.

Ban kiểm soát đánh giá cao hoạt động của HĐQT trong công tác giám sát các mặt hoạt động của Công ty và giám sát công tác điều hành của Giám đốc. HĐQT đã thực hiện phê chuẩn các vấn đề liên quan đến cơ cấu tổ chức bộ máy; bổ nhiệm, điều chuyển và sắp xếp cán bộ; về đầu tư trang thiết bị cơ sở hạ tầng kỹ thuật; về chế độ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS và Ban điều hành công ty.

HDQT cũng đã từng bước hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ bằng việc sớm ban hành sửa đổi Điều lệ tổ chức hoạt động, các quyết định, quy chế phục vụ công tác quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật.

Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành điều đặn các cuộc họp định kỳ, đột xuất theo quy định để triển khai công tác giám sát và định hướng hoạt động kinh doanh của công ty.

II. Về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

1. Về triển khai hoạt động kinh doanh:

Ban kiểm soát đánh giá cao nỗ lực của giám đốc trong việc điều hành Công ty, hoàn thiện bộ máy tổ chức hoạt động, thu hút nhiều nhân sự tốt từ các Công ty đầu tư khác về làm việc tại Công ty. Việc đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hệ thống máy móc hiện đại phục vụ cho sản xuất và không ngừng cải tiến công nghệ đã đưa Công ty vào hoạt động ổn định và phát triển.

2. Về chấp hành chế độ chính sách Nhà nước và Quyết định của HĐQT:

Ban Giám đốc đã thực hiện nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp Luật, Điều lệ của Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, thực hiện cam kết giữa HĐQT và BGD điều hành. Trong thời gian hoạt động vừa qua Ban kiểm soát chưa phát hiện thấy điều gì bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban Giám đốc và các chức danh quản lý trong Công ty.

3. Về công tác kế toán:

Việc tính toán, ghi chép, các số liệu trong báo cáo phản ánh trung thực đúng chế độ, nguyên tắc trong phạm vi lập, ghi chép, luân chuyển, sử dụng, lưu trữ bảo quản chứng từ, đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ.

Nhìn chung các số liệu trên báo cáo Tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình Tài chính tính đến thời điểm 31/12/2023 của Công ty, đồng thời phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan, đồng thời được Đơn vị kiểm toán chấp thuận toàn bộ.

4. Thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động.

Các chế độ, quyền lợi của CBCNVC - LĐ được thực hiện theo đúng Luật lao động, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, việc chi trả lương hàng tháng được kịp thời đầy đủ đúng quy định.

Việc thực hiện ký kết Hợp đồng giữa người sử dụng lao động và người lao động được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, Luật lao động như đã thanh toán BHXH và BHYT đầy đủ cho người lao động, tiền BHXH, BHYT đã nộp kịp thời đúng quy định của BHXH.

Các chế độ thi đua khen thưởng, thưởng lễ, tết, thăm hỏi ốm đau, hiếu hi, sinh nhật..., phong trào văn hoá, thể thao luôn được duy trì thường xuyên.

C. Kiến nghị của Ban kiểm soát đối với hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

Để nâng cao chất lượng công tác quản trị rủi ro, đề nghị HĐQT và Ban Giám



độc tiếp tục hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ bằng việc quy chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị đồng thời tăng cường việc kiểm tra giám sát thường xuyên việc thực thi trong các mặt hoạt động của công ty.

Phần II:

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

I. Nhiệm vụ chung:

Ban kiểm soát Công ty thực hiện nhiệm vụ thay mặt Cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Trong năm 2024, Ban kiểm soát sẽ tiến hành kiểm soát định kỳ, thời gian cụ thể sẽ được thông báo tới HĐQT, BGD điều hành và các phòng ban chức năng chuẩn bị hồ sơ, tài liệu trước ít nhất là 01 tuần. Ngoài ra nếu có dấu hiệu vi phạm chế độ và điều lệ Công ty Ban kiểm soát sẽ tiến hành làm việc kịp thời để có thông báo với HĐQT và báo cáo ĐHĐCĐ.

II. Nhiệm vụ cụ thể:

1. Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý.
2. Xem xét tính hợp lý của các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành.
3. Báo cáo quá trình quản lý Công ty của HĐQT và quá trình điều hành của BGD.
4. Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên đề ra.
5. Xem xét việc ký kết và thực hiện quy chế trả lương và các quy chế khác theo đúng quy định của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Trên đây là báo cáo quá trình thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát trình trước ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ
HOÀNG GIÀNG
HAI BÀ TRƯNG - TP. HCM

Đoàn Danh Hưng

Số: 032024/ IRS

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2024

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản có liên quan;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia;
- Văn bản pháp luật khác có liên quan.

Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024 ban hành Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia như sau:

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (sau đây gọi là "Đại hội") Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia.
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham dự Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.
3. Cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.
2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội được thực hiện thành công và tuân thủ các quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II
ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ
CỦA CỔ ĐÔNG, NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 3. Điều kiện tham dự Đại hội

Các cổ đông cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

Điều 4. Quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội

1. Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 14 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa ba người



tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

2. Được ban Tổ chức thông báo công khai nội dung chương trình Đại hội.

3. Phát biểu, thảo luận và biểu quyết tất cả nội dung có trong chương trình Đại hội thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của luật Doanh nghiệp năm 2020, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia.

4. Tại Đại hội, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết và Phiếu bầu cử (trong đó có ghi mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết) sau khi đăng ký tham dự họp Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

5. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội. Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, giá trị biểu quyết của Phiếu bầu cử được tính bằng tổng số phiếu bầu cử, tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu (theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3, điều 148 Luật Doanh nghiệp).

6. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền đến dự họp Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp và hiệu lực của các đợt biểu quyết tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng. Trường hợp Ban kiểm phiếu đang tiến hành kiểm phiếu biểu quyết thì cổ đông không có quyền biểu quyết. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm cộng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội để tính tỷ lệ thông qua các nội dung biểu quyết ở phần sau.

Điều 5. Nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội

1. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự Đại hội mang theo giấy tờ sau:

a. Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân (nếu là cá nhân).

b. Bản sao Đăng ký kinh doanh (nếu là tổ chức)

Cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại Đại hội sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách Cổ đông hoặc/và đại diện ủy quyền của mình là hợp lệ với Ban kiểm tra tư cách Cổ đông.

2. Trường hợp Cổ đông đã ủy quyền cho người khác mà không có thông báo bằng văn bản về việc hủy ủy quyền thì Cổ đông đó khi tham dự Đại hội không được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử tại Đại hội nếu người được ủy quyền của họ đã làm thủ tục nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử.

3. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho bên thứ ba.

4. Trong thời gian diễn ra Đại hội, cổ đông/ đại diện của cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn, điều khiển của Chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này, nếu vi phạm thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp hiện hành.

6. Trường hợp Cổ đông rời cuộc họp trước khi Đại hội biểu quyết mà không thông báo với Ban kiểm phiếu thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội

1. Chủ tọa và thành phần đoàn chủ tịch do Đại hội bầu bằng giơ thẻ biểu quyết.

2. Chủ tọa Đại hội có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Chủ trì, điều khiển Đại hội; Chủ tọa tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và đảm bảo Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;

b. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình của Đại hội;

c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

d. Trả lời hoặc chỉ định thành viên Đoàn chủ tịch trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

e. Bất cứ lúc nào Chủ tọa có quyền trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác tại một địa điểm khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia khi Điều lệ này đã được Đại hội thông qua) mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng:

- Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp;

- Hoặc sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ;

f. Chủ tọa Đại hội có quyền:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Đại hội.

Điều 7. Ban thư ký Đại hội

1. Ban thư ký gồm 01 thành viên do Chủ tọa đề cử, được Đại hội thông qua bằng biểu quyết để giúp việc Đại hội. Ban thư ký chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và Đại hội về nhiệm vụ của mình.

2. Ban Thư ký thực hiện công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa, có nhiệm vụ:

a. Ghi chép, phản ánh trung thực, chính xác, đầy đủ nội dung biên bản đối với diễn biến cuộc họp Đại hội, dự thảo các văn kiện, kết luận, và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu; trình bày trước Đại hội về Biên bản họp và dự thảo Nghị quyết của Đại hội.

b. Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu, ý kiến khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

Điều 8. Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội (sau đây gọi tắt là Ban kiểm tra tư cách cổ đông) có 2 thành viên, gồm 01 Trưởng ban và 01 thành viên có chức năng và nhiệm vụ sau:

a. Kiểm tra tư cách dự họp của các cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông dựa trên các tài liệu mà họ xuất trình: Kiểm tra Chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân, Bản sao công chứng Giấy CNĐKKD, Giấy ủy quyền và các tài liệu kèm theo (nếu có);

b. Phát cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của các cổ đông Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử và các tài liệu của Đại hội;

c. Tổng hợp kết quả kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông tham dự Đại hội.

2. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử và phát tài liệu của Đại hội.

Điều 9. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu có 02 thành viên, gồm 01 Trưởng ban và 01 thành viên do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa. Thành viên Ban kiểm phiếu không được là người có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị

và thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- a. Hướng dẫn cổ đông tham dự Đại hội cách sử dụng Thẻ biểu quyết; Phiếu bầu cử
- b. Thực hiện việc đếm số phiếu biểu quyết theo từng loại: tán thành, không tán thành, không có ý kiến ngay sau khi Đại hội biểu quyết;
- c. Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua Đại hội;
- d. Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa các vấn đề được lấy ý kiến thông qua Đại hội;
- e. Kiểm tra danh sách các ứng cử viên Hội đồng quản trị (HDQT) và Ban kiểm soát (BKS) trước khi thực hiện bầu cử;
- f. Hướng dẫn nguyên tắc, thể lệ bầu cử thành viên HDQT và BKS theo Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- g. Tiến hành phát, thu, kiểm đếm phiếu bầu cử thành viên HDQT, BKS của các cổ đông theo đúng số cổ phần và quyền biểu quyết của từng cổ đông;
- h. Tiến hành tổng hợp kết quả kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- i. Báo cáo kết quả kiểm phiếu (Biên bản kiểm phiếu) trước Đại hội;
- j. Bàn giao lại biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử cho Thư ký Đại hội;
- k. Cùng chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo đề Đại hội đồng cổ đông quyết định;
- l. Thực hiện nhiệm vụ được giao khác.

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 10. Điều kiện tiến hành Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội Cổ đông được tiến hành khi có số lượng cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để triệu tập cuộc họp Đại hội. Ban kiểm tra tư cách cổ đông thông báo số lượng cổ đông tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà các cổ đông đại diện và tỷ lệ tham dự để Đại hội có thể tiến hành theo quy định
2. Cuộc họp Đại hội dự kiến diễn ra trong ½ ngày theo chương trình Đại hội được Ban tổ chức chuẩn bị và thông qua tại Đại hội.
3. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2024.

Điều 11. Chương trình, nội dung làm việc của Đại hội

1. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các nội dung trong chương trình họp.
2. Trường hợp có thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp cho cổ đông, các thay đổi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 12. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội, Chủ tọa Đại hội có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận, chất vấn bằng cách giơ Thẻ biểu quyết và được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội đồng ý. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời tuân tự từng cổ đông phát biểu ý kiến của mình.
2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình Đại hội đã thông qua. Nội dung ý kiến đề xuất của cổ đông không

được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá thẩm quyền của Doanh nghiệp. Chủ tọa có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận;

3. Đại hội thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không vượt quá 5 phút. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa Đại hội có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Ban Thư ký Đại hội phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

Điều 13. Thê lệ biểu quyết và thông qua các quyết định tại Đại hội

1. Nguyên tắc biểu quyết:

a. Biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng việc giơ Thẻ biểu quyết;

b. Biểu quyết thông qua việc cử người ủy quyền tới dự họp, khi đó người được ủy quyền tham dự Đại hội và biểu quyết như hình thức cổ đông trực tiếp dự họp.

2. Các vấn đề được thông qua tại Đại hội phải được số cổ đông đại diện từ 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện có ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận, ngoại trừ nội dung quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Đối với việc thông qua các vấn đề được quy định tại Khoản 1 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020 phải đạt từ 65% số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện có ủy quyền có mặt tại Đại hội.

4. Hình thức biểu quyết:

a. Cổ đông (hoặc người đại diện theo ủy quyền) biểu quyết từng nội dung trong chương trình Đại hội. Khi biểu quyết một vấn đề được Đại hội đưa ra, các cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết lên cao; việc xác định kết quả biểu quyết được tiến hành bằng cách đếm số phiếu biểu quyết tán thành, số phiếu biểu quyết không tán thành và số phiếu biểu quyết không có ý kiến.

b. Đối với từng vấn đề cần biểu quyết, Chủ tọa sẽ hỏi ý kiến của Cổ đông theo trình tự: Tán thành, Không tán thành; Không có ý kiến. Trường hợp cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết thì coi như tán thành. Với từng vấn đề xin ý kiến biểu quyết, các cổ đông chỉ được giơ Thẻ biểu quyết một lần.

Điều 14. Biên bản và nghị quyết Đại hội

1. Biên bản Đại hội: Tất cả các nội dung của Đại hội phải được Ban thư ký ghi vào biên bản. Biên bản phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

2. Căn cứ Biên bản Đại hội, kết quả kiểm phiếu bầu cử, Thư ký Đại hội sẽ tổng hợp số liệu và đưa vào dự thảo nghị quyết Đại hội. Dự thảo Nghị quyết được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

3. Biên bản, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp được lưu giữ tại trụ sở Công ty theo quy định.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 15. Trật tự Đại hội

1. Cổ đông hoặc Người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội hướng dẫn. Tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức Đại hội.

2. Cổ đông có nhu cầu sao chép tài liệu, ghi âm phải đăng ký với Chủ tọa và hoàn toàn chịu trách nhiệm trong trường hợp có những thông tin sai lệch với nội dung Đại hội.

3. Giữ trật tự Đại hội, không sử dụng điện thoại di động trong quá trình họp. Tất cả

các máy điện thoại khi mang vào cuộc họp phải tắt máy hoặc để ở chế độ rung.

4. Chấp hành quy chế Tổ chức Đại hội và sự điều khiển cuộc họp của Chủ tọa.

Điều 16. Trường hợp tiến hành Đại hội không thành

5. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 10 Quy chế này thì việc triệu tập họp lần thứ hai phải được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp Đại hội lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là các Cổ đông và các đại diện theo ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

6. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ.

**CHƯƠNG V
HIỆU LỰC THI HÀNH**

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 5 chương, 17 Điều được Đoàn Chủ tịch Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia áp dụng, thông qua và có hiệu lực thi hành tại Đại hội cổ đông thường niên 2024 Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia.

2. Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này.

3. Cổ đông và những người tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Lưu VT.



Trần Thị Thu Hương